

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục xuống theo triều trong 2-3 ngày tới, sau đó lên chậm; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm lên nhanh trong 1-2 ngày tới, những ngày sau xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất, thấp nhất tại các trạm xuống chậm trong ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 25/01 đến 29/01/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		24/01	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	25/01	26/01	27/01	28/01	29/01
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.33	0.12	-0.06	1.32	1.30	1.29	1.31	1.35
						Min	-0.08	0.00	-0.66	-0.02	0.07	0.01	-0.06	-0.12
2	Chợ Mới	Ông Chường	2.00	2.50	3.00	Max	1.34	0.07	0.03	1.35	1.33	1.32	1.35	1.40
						Min	-0.21	-0.05	-0.38	-0.14	-0.04	-0.11	-0.19	-0.26
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.18	0.07	-0.31	1.15	1.13	1.12	1.13	1.16
						Min	0.28	0.07	-0.63	0.32	0.37	0.33	0.28	0.24
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.45	0.07	0.06	1.45	1.44	1.44	1.46	1.50
						Min	-0.08	-0.03	-0.53	-0.02	0.07	0.01	-0.06	-0.12
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.46	0.05	0.11	1.46	1.45	1.45	1.48	1.53
						Min	-0.18	-0.01	-0.15	-0.09	0.03	-0.06	-0.16	-0.24
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.40	0.07	0.04	1.39	1.37	1.36	1.39	1.44
						Min	-0.16	-0.03	-0.42	-0.09	0.01	-0.06	-0.14	-0.21
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.47	0.08	-0.11	0.42	0.41	0.39	0.37	0.35
						Min	0.16	0.06	-0.21	0.12	0.11	0.09	0.07	0.05
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.33	0.10	-0.04	0.28	0.27	0.25	0.23	0.21
						Min	0.23	0.01	-0.10	0.18	0.17	0.15	0.13	0.11
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.46	0.04	-0.12	0.43	0.42	0.40	0.38	0.36
						Min	0.18	0.06	-0.19	0.15	0.14	0.12	0.10	0.08
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.60	0.12	0.10	0.56	0.55	0.53	0.51	0.49
						Min	0.41	-0.06	-0.01	0.37	0.36	0.34	0.32	0.30
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.30	0.07	-0.01	0.26	0.25	0.23	0.21	0.19
						Min	0.17	0.01	-0.09	0.13	0.12	0.10	0.08	0.06
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.71	0.07	0.07	0.67	0.66	0.64	0.62	0.60
						Min	0.53	0.06	0.03	0.49	0.48	0.46	0.44	0.42
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	0.98	0.04	0.04	0.94	0.93	0.91	0.89	0.87
						Min	0.51	0.01	-0.11	0.47	0.46	0.44	0.42	0.40
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.72	0.03	-0.06	0.69	0.68	0.66	0.64	0.62
						Min	0.46	0.02	-0.15	0.43	0.42	0.40	0.38	0.36

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 25/01/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan